

Name: .....

Class: S6

Tel: 034.200.9294

Ngày GV giao bài: Thứ ....., ngày ...../.....

Ngày HS nộp bài: Thứ ....., ngày ...../.....



Vocab + Gram: .....

Listening: .....

Mini Test: .....

## GLOBAL ENGLISH 6

### UNIT 4: INVENTIONS – VOCABULARY 2 & PET SPEAKING

- ❖ **Lưu ý 1:** Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu đề có chú thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ **1 dòng** để ghi nhớ nhé.
- ❖ **Lưu ý 2:** Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.

#### A. VOCABULARY

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	<b>thrilled at</b> (adj)	phấn khích về một điều gì đó	9	<b>creative</b> (adj)	sáng tạo
2	<b>genius</b> (n)	thiên tài	10	<b>run a competition</b>	tổ chức một cuộc thi
3	<b>stride</b> (v)	sải bước	11	<b>display</b> (v)	trưng bày
4	<b>invention</b> (n)	sự phát minh/ sáng chế	12	<b>gasp in amazement</b> (v)	thở gấp vì ngạc nhiên
5	<b>device</b> (n)	thiết bị	13	<b>laugh at</b> (phr.v)	cười nhạo
6	<b>nasty</b> (adj)	xấu xa	14	<b>turn into</b> (phr.v)	biến thành
7	<b>out of sight</b>	khuất khỏi tầm nhìn	15	<b>think of / about</b> (phr.v)	suy nghĩ về ai/ điều gì
8	<b>hostile</b> (adj)	thù địch	16	<b>sum up</b> (phr.v)	tóm tắt, tổng kết

#### Extra vocabulary

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	<b>express service</b> (n.phr)	dịch vụ chuyển phát nhanh	5	<b>military</b> (n)	quân đội
2	<b>traffic jam</b> (n)	tắc đường	6	<b>announce</b> (v)	công bố
3	<b>harbour</b> (n)	bến cảng	7	<b>aggressive</b> (adj)	hung hăng
4	<b>prospect</b> (n)	viễn cảnh	8	<b>rival</b> (n)	đối thủ

- ❖ **Note :** n = noun: danh từ, adj = adjective: tính từ,  
v = verb: động từ, phr. v = phrasal verb: cụm động từ  
n. phr = noun phrase: cụm danh từ

- ❖ Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép vào vở mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

**Exercise 1: Put the letters in brackets into the correct order to complete the sentences**

1. I can't go into work looking like this. Everyone will \_\_\_\_\_ (**L U H G A**) at me.
2. They use \_\_\_\_\_ (**C E V E A T I R**) ways to market their services to customers.
3. Can I just \_\_\_\_\_ (**S M U**) up what we've agreed so far?
4. He's not exactly \_\_\_\_\_ (**L H R I T D L E**) at the prospect of working for his old rival.
5. This \_\_\_\_\_ (**E C E D I V**) allows deaf people to communicate by typing messages instead of speaking.

0. Let's take the kids to the science .

- (A) fair B. comfort C. satellite
1. John turned to look back, but by then Rosie was \_\_\_\_\_ sight.  
A. off B. out of C. think of
2. He was extremely \_\_\_\_\_ towards her. He's so rude!  
A. friendly B. stride C. hostile
3. Ralph \_\_\_\_\_ in amazement as they announced him as the winner of the competition.  
A. turned B. gasped C. strode
4. From the age of three, she showed signs of \_\_\_\_\_.  
A. genius B. device C. invention
5. Don't be so \_\_\_\_\_ to your brother – he's four years younger than you!  
A. ordinary B. nasty C. laugh at

0. an object or a piece of equipment that has been designed to do a particular job

### DEVICE

- |  |                 |
|--|-----------------|
| 1. aggressive or unfriendly and ready to argue or fight                                  | H _ _ _ _ L _   |
| 2. unusually great intelligence, skill or artistic ability                               | _ E _ _ U _     |
| 3. to make somebody/ something seem stupid or not serious by making jokes about them/ it | L _ _ _ _ A _   |
| 4. to walk with long steps in a particular direction                                     | _ T R _ _ _     |
| 5. become something different  | T _ _ _ I _ _ O |

0. The students **laughed** / **cried** / **turned** at the funny story that the teacher told them.

1. We **stroke** / **blasted** / **strode** across the snowy fields yesterday.
2. She's thinking **of** / **off** / **into** changing her job.
3. The school always wants to **walk** / **sum** / **run** a competition for students who are good at computers.
4. They all held their hands **up** / **in** / **off** when the music started.
5. This new **genius** / **invention** / **stride** has huge sales potential.

### Exercise 5: Rearrange the words/ phrases to make meaningful sentences

0. motivation / They / study. / to / lack

→ They lack motivation to study.

1. She / when she / gasped / the truth. / amazement / knew / in

→ She knew in amazement when she gasped the truth.

2. prisoner / looked / hostile / The / at him / silence. / in

→ The prisoner looked hostile in silence at him.

3. electronic device / It / an / many uses. / was / with

→ It was with an electronic device for many uses.

4. the / displayed / They / which / the images. / looked at / computer screens

→ They looked at the images which were displayed on computer screens.

**Con làm bài nghe theo link sau:**

<https://drive.google.com/file/d/1YiVcP2oi86eC8MV42D-SYGoslRQu--a0/view?usp=sharing>



#### Questions 11-15

57

For each question, choose the correct answer.

You will hear Dan talking to a shop assistant in a sports shop.

**11** Dan thinks plastic skateboards are

- A cheap.
- B popular.
- C light.

**12** What colour skateboard does Dan prefer?

- A purple
- B yellow
- C grey

**13** The shop assistant says the best skateboard for Dan is about

- A 16 cm wide.
- B 18 cm wide.
- C 20 cm wide.

**14** What free gift can Dan get from the shop?

- A a backpack
- B some gloves
- C a scarf

**15** When will Dan buy a skateboard?

- A on Wednesday
- B on Friday
- C on Saturday

Con làm bài nghe theo link sau:

<https://drive.google.com/file/d/19RvDjgJhE5aFjtIgObmXJTkZteNXfvvQ/view?usp=sharing>

## PAPER 3 LISTENING

### PART 1 Questions 1-7

For each question, choose the correct answer.

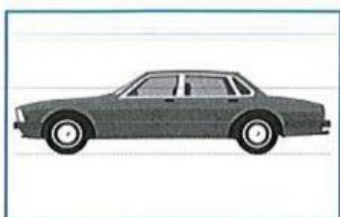


Play audio

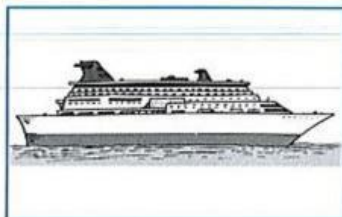
### Listening Part 1 Exam Tips

- First, look at the 3 images/options carefully.
- Then, read the question.
- Now, listen to the first listening and choose the best answer. Have in mind that all 3 options are heard in the recording, but only one of them is the correct answer.
- During the second listening check that you have selected the right answer by checking the information again.

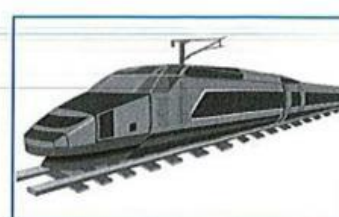
1. How did the woman travel?



**A** ☐



**B** ☐



**C** ☐

2. What time does the film start?



**A** ☐



**B** ☐



**C** ☐

3. What kind of film was it?



**A** ☐

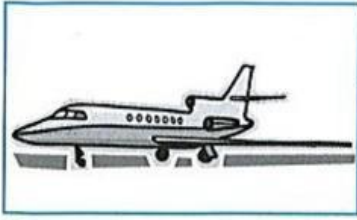


**B** ☐

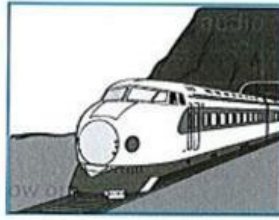


**C** ☐

4. What kind of transportation is the man talking about?



**A** ☐

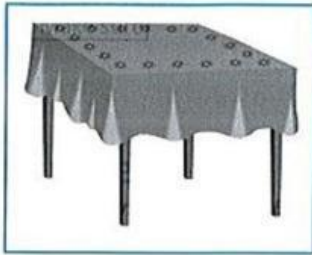


**B** ☐

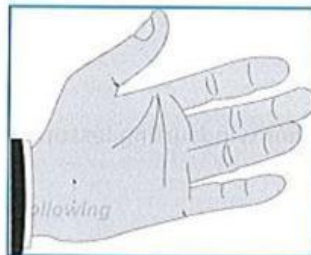


**C** ☐

5. Where are the boy's keys?



**A** ☐

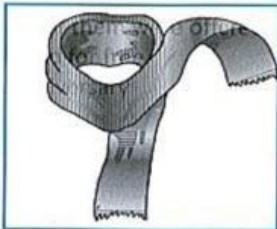


**B** ☐



**C** ☐

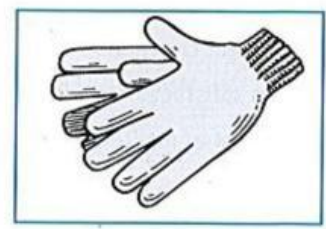
6. Which present is Mark going to buy?



**A** ☐

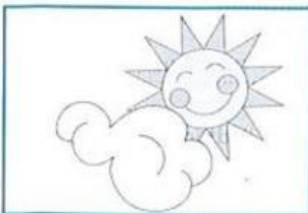


**B** ☐



**C** ☐

7. What will the weather be like tomorrow?



**A** ☐



**B** ☐



**C** ☐